



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emedungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001



VIMCERTS 029

Số/No: 1951.2025/QTPT

Quang Ngãi, 08/08/2025



PHIẾU THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
 - Loại mẫu/Type of sample : Nước mặt

Kí hiệu/Sign	Toạ độ/ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
NM203/1/6	X: 1673469 Y: 582973	22/07/2025	Tại trạm bơm đầu vào của trạm xử lý nước cấp - Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi - KCN Quảng Phú - phường Nghĩa Lộ - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling methc: TCVN 6663-6:2018(4:2020)

- Ngày thí nghiệm/Testing da: 22/07 - 06/08/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results	QCVN 08:2023/BTNMT	
I	Các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước và bảo vệ môi trường sống dưới nước				Bảng 2	Mức phân loại chất lượng nước
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,5-8,5	A - Tốt
2	Ôxy hoà tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/l	6,5	≥ 6,0	A - Tốt
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	4,3	≤ 25	A - Tốt
4	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	5,0	≤ 6,0	A - Tốt
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220B:2023	mg/l	9,0	≤ 10	A - Tốt
6	Coliform	SMEWW 9221B&C:2023	MPN/100ml	49	≤ 1000	A - Tốt
II	Các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người				Bảng 1	
7	Nitrite (N-NO ₂ ⁻)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,005)	0,05	
8	Nitrate (N-NO ₃ ⁻)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,32	-	
9	Asen (As)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,002)	0,01	
10	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,001)	0,005	
11	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,002)	0,02	
12	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	0,001	
13	Tổng Dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	mg/l	KPH (LOD=1,0)	5,0	
14	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	KPH (LOD=0,03)	0,3	
15	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	NTU	1,6	-	
16	Sắt (Fe)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,11	0,5	
17	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,03)	0,1	
18	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	20	-	
19	Clorua (Cl ⁻)	SMEWW 4500-Cl ⁻ B:2023	mg/l	KPH (LOD=4,0)	250	
20	Xyanua (CN ⁻) ^(a304)	SMEWW 4500-CN-C&E (2017)	mg/l	0,0018	0,01	

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu ^(a304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign ^(a304): performed by subcontractors VIMCERTS304

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP. Director/Vice Director



Đỗ Tiên Lợi

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to The test sample at The sampling time

- Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

- Thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG
Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001

BM10/EMC-QuT.17 19.08.2019 LBH05



VIMCERTS 029

Số/No: 1857.2025/QTPT

Quang Ngãi, 30/07/2025



PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**
- Loại mẫu/Type of sample: **Nước tái sử dụng (Nước mặt)**
- PP lấy mẫu/Sampling method: **TCVN 5999:1995**

Kí hiệu/Sign	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Ngày thí nghiệm/ Testing date	Toạ độ/ Coordinate	Nguồn gốc/Source
NT203/1/5.	22/07/2025	22/07 - 29/07/2025	X: 1673388 Y: 581113	Sau hệ thống tái sử dụng nước (Dùng để tưới cây), Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, KCN Quảng Phú, Tp.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results	QCVN 08:2023/BTNMT	
I	Các thông số phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước và bảo vệ môi trường sống dưới nước				Bảng 2	Mức phân loại chất lượng nước
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,5-8,5	A - Tốt
2	Ôxy hoà tan (DO)	TCVN 7325:2016	mg/l	6,4	≥ 6,0	A - Tốt
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	3,0	≤ 25	A - Tốt
4	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	5,0	≤ 6,0	B - Trung bình
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220D:2023	mg/l	14	≤ 15	B - Trung bình
6	Coliform	SMEWW 9221B&C:2023	MPN/100ml	KPH (LOD=2)	≤ 1000	A - Tốt
II	Các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người				Bảng 1	
7	Nitrate (N-NO ₃ ⁻)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023	mg/l	0,14	-	-
8	Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)	SMEWW 4500-P.E:2023	mg/l	KPH (LOD=0,02)	-	-
9	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,03)	0,1	0,1
10	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,03)	0,5	0,5
11	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,002)	0,02	0,02
12	Tổng Dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	mg/l	KPH (LOD=1,0)	5,0	5,0
13	Asen (As)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,002)	0,01	0,01
14	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	0,001	0,001
15	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,001)	0,005	0,005

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP. Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to The test sample at The sampling time

- Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

- Hệ thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result